

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST.

Ngày: 29 - 02 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đình Chiến

2. Ông Vũ Ngọc Tài

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Thanh Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân H - sinh năm: 1981

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Lê Trọng Đ; sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2022

Có mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Trọng H1 - sinh năm: 1952

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Chị Phạm Thị D; sinh năm: 1983

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh

Vắng mặt.

+ Anh Vũ Trọng Đ1; sinh năm: 1996
 Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa
 Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/5/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân H và người đại diện theo uỷ quyền của anh H là ông Lê Trọng Đ trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên có hai lần anh Nguyễn Xuân H Vào ngày 23/12/2017 gia đình anh Nguyễn Xuân H cho ông Vũ Trọng H1 và vợ là bà Phạm Thị X tổng cộng 360.000.000 đồng. Cụ thể từng lần vay như sau:

- Ngày 13/10/2018 vay 100.000.000 đồng; lãi suất 2%/tháng (tức 24%/năm); trả lãi vào ngày 13 hằng tháng; thời hạn vay 12 tháng;
- Ngày 22/10/2019 vay 260.000.000 đồng; lãi suất theo thoả thuận; thời hạn vay 7 tháng;

Khi vay tiền, hai bên có lập thành văn bản. Đồng thời ông H1, bà X có đưa cho anh H giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên con của ông bà là anh Vũ Trọng Đ1 để anh H tin tưởng, khi nào tất toán xong khoản nợ thì anh H sẽ đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho ông H1.

Quá trình trả nợ: Tính đến nay, ông H1 và bà X chưa trả cho anh H được đồng tiền gốc nào. Về tiền lãi: Đối với khoản vay lần đầu (100.000.000^d), ông H1 đã trả đủ lãi cho anh H đến hết tháng 9/2019 (11 tháng); tổng cộng số tiền 22.000.000 đồng. Đối với khoản vay sau, ông H1 và bà X chưa trả cho anh H được đồng tiền lãi nào.

Nay bà X đã chết, anh H yêu cầu ông H1 trả cho anh toàn bộ số nợ gốc và lãi, cụ thể như sau:

1. Đối với khoản vay ngày 13/10/2018:
 - Nợ gốc: 100.000.000 đồng;
 - Nợ lãi tính từ tháng 10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, thời gian 4 năm 05 tháng, lãi suất 20%/năm (lãi suất thoả thuận là 2%/tháng, tức 24%/năm, nhưng nay anh chỉ yêu cầu ông H1 trả theo lãi suất 20%/năm). Số tiền lãi là 88.333.000 đồng.
2. Đối với khoản vay ngày 22/10/2019:
 - Nợ gốc: 260.000.000 đồng;
 - Nợ lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, thời gian 4 năm 04 tháng, lãi suất 10%/năm. Số tiền lãi là 112.666.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không yêu cầu ông H1 trả lãi trong trường hợp thời gian tính lãi chưa đủ 01 tháng.

Tổng cộng số tiền mà anh H và người đại diện hợp pháp của anh yêu cầu ông H1 trả nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 560.999.000 đồng Đ2; bao gồm: 360.000.000 đồng nợ gốc và 200.999.000 đồng tiền lãi.

Ngoài ra, đối với khoản tiền chậm thi hành án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu ông H1 phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án với lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Ông Lê Trọng Đ đề nghị phía bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện, anh H và người đại diện hợp pháp của anh đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ, gồm: 01 “giấy cam kết vay tiền” ngày 13/10/2018, 01 “giấy cam kết vay tiền” ngày 22/10/2019, biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, giấy uỷ quyền tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác liên quan đến nhân thân người khởi kiện, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/8/2022, bị đơn là ông Vũ Trọng H1 trình bày:

- Ông chấp nhận ông và vợ là bà X có vay của anh Nguyễn Xuân H tổng số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất và quá trình trả nợ như anh H đã trình bày. Mục đích vay là để đáo hạn hợp đồng tín dụng cho các hội viên Cựu thanh niên xung phong trong thôn. Sau khi đáo hạn được các hợp đồng tín dụng trên, ông đã dùng số tiền trên để thanh toán cho khoản vay khác của vợ chồng ông. Vì vậy đến nay ông chưa trả được nợ cho anh H như đã thoả thuận.

- Đây là khoản nợ chung của ông và bà X. Nay bà Phạm Thị X đã chết, ông chấp nhận dùng tài sản chung của ông và bà X để trả nợ cho anh H. Trường hợp toàn bộ tài sản chung của ông và bà X không đủ để trả nợ thì ông đề nghị con riêng của ông là Vũ Trọng Đ1 phải trả khoản nợ còn thiếu.

- Ông H1 đề nghị anh H giảm tiền lãi cho ông. Trường hợp anh H không trả lãi thì và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2022 do Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tiến hành (theo Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ của Toà án nhân dân huyện Như Thanh), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phạm Thị D (con riêng của bà X) trình bày: Chị là người con duy nhất của bà Phạm Thị X. Năm 2021 bà X chết. Bố, mẹ bà X chết trước bà xuân từ rất lâu. Chị D không đồng ý tham gia tố tụng với tư cách người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Như Thanh đã tổng đã hợp lệ giấy triệu tập cho anh V Trọng Tuấn đến Toà án trình bày quan điểm về việc ông H1 uỷ quyền tham gia tố tụng; giấy triệu tập anh Vũ Trọng Đ1 đến Toà án trình bày quan điểm về việc ông H1 yêu cầu anh kế thừa quyền và nghĩa vụ trả nợ. Đồng thời tổng đạt hợp lệ cho các bên đương sự Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà... nhưng bị đơn là ông Vũ Trọng H1, người liên quan là anh Vũ Trọng T, anh Vũ Trọng Đ1 và chị Phạm Thị D đều vắng mặt không có lý

do. Toà án đã thông báo yêu cầu ông Vũ Trọng H1 cung cấp tài liệu chứng cứ là văn bản uỷ quyền có chứng thực chữ ký của bên uỷ quyền (ông H1) và bên nhận uỷ quyền nhưng ông H1 không thực hiện theo yêu cầu của Toà án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Vũ Trọng H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Trọng Đ1 và chị Phạm Thị D đều vắng mặt. Nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân H vắng mặt nhưng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Trọng Đ có mặt. Ông Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án buộc ông H1 phải trả cho Nguyễn Xuân H tổng cộng số tiền 560.999.000 đồng; trong đó: 360.000.000 đồng tiền gốc, 200.999.000 đồng tiền lãi theo lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/02/2024.

Phản tranh luận: Không ai có tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Vũ Trọng H1 phải trả cho anh Nguyễn Xuân H tổng cộng số tiền 560.999.000 đồng; trong đó: 360.000.000 đồng tiền gốc và 200.999.000 đồng tiền lãi theo lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/02/2024. Đề nghị miễn án phí cho ông Vũ Trọng H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Toà án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Vũ Trọng H1, anh Vũ Trọng T, anh Vũ Trọng Đ1 và chị Phạm Thị D các văn bản tố tụng, trong đó có: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà nhưng các đương sự nói trên đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[3] Hợp đồng vay tài sản ngày 22/10/2019 giữa vợ chồng ông Vũ Trọng H1, bà Phạm Thị X với anh Nguyễn Xuân H đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ Luật Dân sự nên có hiệu lực. Đối với Hợp đồng vay tài sản ngày 13/10/2018, có điều khoản về lãi suất vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên vô hiệu một phần đối với điều khoản lãi suất. Theo đó, chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, phần lãi suất vượt quá 20%/năm (4%) bị vô hiệu. Các điều khoản còn lại trong hợp đồng là có hiệu lực pháp luật.

[4] Về chủ thể thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng: Bên vay tài sản là ông Vũ Trọng H1 và bà Phạm Thị X đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng. Nay bà Phạm Thị X đã chết, tài sản của bà X chưa được chia thừa kế. Vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc ông Vũ Trọng H1 dùng tài sản chung của ông và bà X để thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 351; 466 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp tài sản chung của ông H1 và bà X không đủ để trả nợ thì ông H1 phải dùng tài sản riêng của ông để trả phần nợ còn lại. Đối với việc ông H1 đề nghị anh Vũ Trọng Đ1 kế thừa nghĩa vụ trả nợ, thấy rằng: anh Đ1 không tham gia giao dịch vay tài sản; anh cũng không có ý kiến chấp nhận đề nghị của ông H1 về việc đề nghị anh kế thừa nghĩa vụ trả nợ, vì vậy HĐXX không chấp nhận đề nghị này của ông Vũ Trọng H1.

[5] Xét tính pháp lý đối với các yêu cầu của phía nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

- Khoản tiền gốc 360.000.000 đồng là tiền ông Vũ Trọng H1 và bà Phạm Thị X vay của anh Nguyễn Xuân H nên buộc ông H1 phải trả cho anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

- Đối với số tiền lãi ông H1 đã theo lãi suất các bên đã thống nhất (2%/tháng, tức 24%/năm) tính từ tháng 11/2018 đến hết tháng 9/2019 (11 tháng) là: 22.000.000 đồng. Số tiền lãi này có 3.666.000 đồng vượt quá giới hạn lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được đối trừ vào nghĩa vụ trả lãi sau ngày 22/10/2019.

- Đối với số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, gồm:

- ✓ Nợ lãi của hợp đồng ngày 13/10/2018 tính từ tháng 10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, thời gian 53 tháng, lãi suất 20%/năm. Số tiền lãi là $100.000.000 \times 53 \times 20/100/12 = 88.333.000$ đồng.

- ✓ Nợ lãi của hợp đồng ngày 22/10/2019 tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, thời gian 52 tháng, lãi suất 10%/năm. Số tiền lãi là: $260.000.000 \times 52 \times 10/100/12 = 112.666.000$ đồng.

Mức lãi suất theo yêu cầu của nguyên đơn không trái với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 và không vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi của cả hai hợp đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: $88.333.000 + 112.666.000 = 200.999.000$ đồng. Được trừ tiền lãi quá giới hạn ông H1 đã trả trước đó (3.666.000 đồng). Tổng số tiền lãi ông H1 còn phải trả cho anh H là: $200.999.000 - 3.666.000 = 197.333.000$ đồng

Tổng số nợ ông H1 còn phải trả cho anh H tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 557.333.000 đồng. Trong đó: 360.000.000 đồng tiền gốc và 197.333.000 đồng tiền lãi.

[6] Về lãi chậm thi hành án: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu lãi chậm thi hành án đối với cả hai hợp đồng là 10%/năm. Mức lãi suất này không trái quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

[9] *Về án phí*: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn là người cao tuổi nên HĐXX miễn toàn bộ án cho bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của U.

[10] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117; Điều 351; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của U.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Xuân H cụ thể như sau:

Buộc ông Vũ Trọng H1 phải dùng tài sản chung của ông và bà Phạm Thị X để trả cho anh Nguyễn Xuân H tổng số tiền: 557.333.000 đồng (năm trăm năm mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng); bao gồm: 360.000.000 đồng tiền gốc và 197.333.000 đồng tiền lãi. Trường hợp tài sản chung của ông và bà X không đủ để trả nợ thì ông H1 phải dùng tài sản riêng của ông để trả phần nợ còn thiếu.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Vũ Trọng H1. Trả lại cho anh Nguyễn Xuân H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.400.000 đồng (mười một triệu bốn trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0003826 ngày 27/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy